

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về hoạt động vận tải đường bộ
trong đô thị và tỷ lệ phương tiện vận tải hành khách đáp ứng
nhu cầu đi lại của người khuyết tật trên địa bàn tỉnh An Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 91/2009/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh;

Căn cứ Thông tư 14/2010/TT-BGTVT của Bộ Giao thông Vận tải ngày 24 tháng 06 năm 2010 quy định về tổ chức và quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô;

Theo đề nghị Giám đốc Sở Giao thông Vận tải,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị và tỷ lệ phương tiện vận tải hành khách đáp ứng nhu cầu đi lại của người khuyết tật trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 (mười) ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Giao thông Vận tải, Thủ trưởng các Sở ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị

xã, thành phố, Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này ./.

Nơi nhận:

- Bộ Giao thông và Vận tải;
- Website Chính phủ;
- Cục Kiểm soát TTHC -Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản – Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh, TT UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Báo AG, Đài PTTH AG, Phân xã AG (phổ biến);
- UBND huyện, thị, TP (để thực hiện);
- UBND các xã, phường, thị trấn (qua email);
- Phòng KT, TH, XD, VHXH - VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, NC, KSTT (2 bản).

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Đã ký)**

Vương Bình Thạnh

QUY ĐỊNH

**Về hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị và tỷ lệ
phương tiện vận tải hành khách đáp ứng nhu cầu
đi lại của người khuyết tật trên địa bàn tỉnh An Giang**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 40 /2012/QĐ-UBND
ngày 23 tháng 10 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định việc quản lý hoạt động vận tải hành khách bằng xe buýt, xe ô tô theo tuyến cố định, xe hợp đồng, xe taxi; hoạt động vận tải hàng hóa bằng xe ô tô, xe taxi; hoạt động vận tải phục vụ vệ sinh môi trường trong đô thị; tỷ lệ phương tiện vận tải hành khách đáp ứng nhu cầu đi lại của người khuyết tật trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có đăng ký kinh doanh và hoạt động vận tải hành khách, vận tải hàng hóa bằng xe ô tô, xe buýt, xe taxi; dịch vụ thu gom rác, vệ sinh môi trường hoạt động trong đô thị trên địa bàn tỉnh An Giang.

2. Các tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng áp dụng của Quy định này liên quan còn phải chấp hành Luật Giao thông đường bộ và các quy định khác của pháp luật về đảm bảo trật tự an toàn giao thông đường bộ, vệ sinh môi trường và trật tự an toàn xã hội.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Đô thị là các thành phố, thị xã, thị trấn, được các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ra quyết định thành lập. Là trung tâm tổng hợp hay chuyên ngành, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của một vùng lãnh thổ nhất định.

2. Cơ sở hạ tầng xe buýt là hệ thống các điểm đầu, điểm cuối, trạm dừng, nhà chờ, đầu mối trung chuyển hành khách, bãi kỹ thuật (bãi hậu cần), bãi giữ xe cá nhân, hệ thống trang thiết bị thông tin trên tuyến.

3. Người khuyết tật là những người bị khiếm khuyết một hay nhiều bộ phận cơ thể hoặc chức năng biểu hiện dưới những dạng tật khác nhau, làm suy giảm khả năng hoạt động, khiến cho lao động, sinh hoạt, học tập gặp nhiều khó khăn.

4. Biểu đồ chạy xe trên một tuyến vận tải hành khách là tổng hợp các hành trình, lịch trình chạy xe của các chuyến xe vận tải khách tham gia khai thác trên tuyến trong một thời gian nhất định.

Chương II **QUY ĐỊNH HOẠT ĐỘNG** **VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ TRONG ĐÔ THỊ**

Điều 4. Đối với hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt

1. Thông tin trên các cơ sở hạ tầng xe buýt:

a) Các trạm dừng phải ghi rõ tên tuyến, ghi tuyến xe buýt bằng số, thông tin về chuyển tiếp các tuyến xe buýt khác.

b) Tại các nhà chờ phải có thông tin về hành trình chạy xe, lịch trình chạy xe, và bản đồ hướng dẫn mạng lưới tuyến xe buýt.

c) Tại điểm đầu, điểm cuối tuyến, các bãi giữ xe và trạm chuyển tiếp phải có nhân viên điều hành để hướng dẫn hành khách, kiểm tra, phối hợp hoạt động của xe buýt trên tuyến và thông tin liên lạc, tiếp nhận ý kiến chỉ đạo của cơ quan quản lý tuyến.

d) Các thông tin quảng cáo tại các trạm dừng, nhà chờ phải thực hiện đúng các quy định hiện hành, đảm bảo mỹ quan đô thị.

2. Việc xây dựng và quản lý cơ sở hạ tầng xe buýt:

Hệ thống trạm dừng, nhà chờ, biển báo cho hoạt động xe buýt phải được xây dựng, lắp đặt tại những địa điểm, vị trí thuận lợi cho việc đi lại của hành khách, có kiểu dáng, kích thước thiết kế phù hợp, bảo đảm an toàn giao thông, mỹ quan đô thị và vệ sinh môi trường. Đối với những nhà chờ có phục vụ người khuyết tật tiếp cận sử dụng phải xây dựng lối lên xuống và các hạng mục công trình phụ trợ thuận tiện cho người khuyết tật.

3. Hoạt động của xe buýt trong đô thị:

a) Thời gian xe buýt hoạt động trong ngày của từng tuyến được quy định trong biểu đồ chạy xe và được cơ quan quản lý tuyến phê duyệt.

b) Căn cứ vào biểu đồ chạy xe các xe buýt phải chạy đúng tuyến, đúng lịch trình và dừng, đỗ đúng trạm quy định.

4. Quy định đối với phương tiện:

a) Tiêu chuẩn xe buýt:

Xe buýt tham gia hoạt động trên tuyến phải đủ điều kiện theo quy định tại Nghị định số 91/2009/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2009 của Chính Phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và tiêu chuẩn ngành hiện hành 22 TCN 302-06 của Bộ Giao thông vận tải.

b) Đặc điểm nhận dạng xe buýt:

- Bên ngoài xe: Phải niêm yết số hiệu, điểm đầu, điểm cuối của tuyến lên kính xe phía trước góc trên phía bên phải của người lái xe; bên dưới kính xe phía sau hoặc phía ngoài hai bên thành xe phải niêm yết lộ trình cơ bản của tuyến xe buýt; tại cận cửa lên, xuống xe niêm yết giá vé, số điện thoại của đơn vị khai thác tuyến. Các thông tin được niêm yết phải đảm bảo đọc được từ phía ngoài xe.

- Bên trong xe: phải bố trí vị trí dễ nhìn thấy các hướng dẫn sơ đồ tuyến, niêm yết giá vé, trách nhiệm của hành khách, nội quy phục vụ và số điện thoại của đơn vị vận tải.

- Nội dung niêm yết, kích thước, kiểu chữ, màu sắc, vị trí của các loại thông tin trên, do doanh nghiệp khai thác thực hiện và thông qua Sở giao thông Vận tải trước khi đưa xe vào hoạt động khai thác.

- Việc trang trí, quảng cáo hai bên thùng xe được thực hiện theo đúng quy định hiện hành.

Điều 5. Hoạt động vận tải hành khách theo tuyến cố định

1. Thực hiện đúng quy định tại Điều 53, Điều 67, Điều 68 Luật Giao thông đường bộ năm 2008.

2. Chạy đúng lộ trình đã được công bố.

3. Dừng, đón, trả khách đúng nơi quy định.

4. Không chở hàng công kênh trên mui xe.

5. Có biện pháp giữ gìn vệ sinh, bố trí thùng rác trên xe, không để hành khách vứt rác xuống lòng, lề đường.

Điều 6. Hoạt động vận tải hành khách theo hợp đồng

a) Thực hiện đúng quy định tại Điều 53, Điều 67, Điều 68 Luật Giao thông đường bộ năm 2008.

b) Hành khách vận chuyển theo hợp đồng, khi đón và trả khách phải được tập trung tại vị trí nhất định, các điểm đỗ đón, trả khách phải đảm bảo an toàn giao thông, đúng vị trí được phép đỗ xe và phải được ghi trong hợp đồng vận chuyển khách.

c) Hành khách tập trung tại các điểm đỗ phải giữ gìn an ninh trật tự xã hội và giữ vệ sinh chung.

Điều 7. Hoạt động vận tải hành khách, hàng hóa bằng xe Taxi

1. Điểm đỗ xe:

a) Điểm đỗ xe taxi trên địa bàn tỉnh An Giang gồm có hai loại:

- Điểm đỗ xe taxi do doanh nghiệp xe taxi tổ chức, quản lý và được sự chấp thuận của các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.

- Điểm đỗ xe taxi công cộng do Sở Giao thông Vận tải tổ chức và quản lý.

b) Yêu cầu đối với điểm đỗ xe taxi phải đảm bảo an toàn và trật tự giao thông trong đô thị, bảo đảm yêu cầu về phòng, chống cháy nổ và vệ sinh môi trường.

c) Sở Giao thông Vận tải xem xét và quyết định việc lập hoặc bãi bỏ điểm đỗ xe taxi.

2. Hoạt động của xe Taxi trong đô thị:

a) Thực hiện đúng quy định tại Điều 53, Điều 67, Điều 68 Luật Giao thông đường bộ năm 2008.

b) Người lái xe taxi khách, xe taxi tải đón, trả hành khách, hàng hoá theo thoả thuận giữa hành khách, chủ hàng và người lái xe nhưng phải chấp hành các quy định về bảo đảm an toàn giao thông.

c) Trong thời gian đậu chờ đón khách, đậu chờ nhận hàng hoá phải đậu đỗ tại các điểm đỗ xe theo quy định.

Điều 8. Hoạt động vận tải hàng hóa bằng xe ô tô

1. Phạm vi hoạt động:

a) Thực hiện đúng quy định tại Điều 53, Điều 67, Điều 72 Luật Giao thông đường bộ năm 2008.

b) Hoạt động đúng thời gian, tuyến đường được quy định trong các hợp đồng vận tải hàng hóa được ký với khách hàng.

c) Khi đỗ xe để xếp, dỡ hàng hóa phải đúng vị trí được phép đỗ xe và phải đảm bảo an toàn giao thông (bãi đậu xe hoặc điểm lên xuống hàng đã được cơ quan quản lý chấp thuận).

d) Khi phương tiện lưu thông trong nội ô không được bấm còi rú ga thường xuyên làm mất trật tự đô thị.

2. Thời gian hoạt động:

Phương tiện có trọng tải đăng ký từ 05 tấn trở lên không được phép lưu thông trong đô thị vào các giờ cao điểm: buổi sáng từ 06 giờ đến 08 giờ; buổi trưa từ 11 giờ đến 13 giờ; buổi chiều từ 16 giờ 30 đến 19 giờ hoặc do Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố quy định phù hợp với thực tiễn tình hình lưu thông đi lại tại nội ô địa phương và các đường tỉnh lộ (riêng Quốc lộ 91 đoạn qua nội ô thành phố Long Xuyên, thị trấn Cái Dầu huyện Châu Phú được lưu thông bình thường).

3. Hàng hóa trên xe:

a) Hàng hóa trên xe phải xếp gọn gàng và chằng buộc chắc chắn bảo đảm an toàn giao thông trong quá trình vận chuyển.

b) Nếu vận chuyển hàng rời phải được che đậy kín, không để rơi, vãi xuống đường. Trường hợp để rơi, vãi xuống đường thì người vận tải phải có trách nhiệm thu dọn ngay và có những biện pháp báo hiệu, ngăn chặn không để xảy ra tai nạn giao thông, gây ô nhiễm môi trường.

Điều 9. Hoạt động vận tải phục vụ vệ sinh môi trường và xe ô tô chở phế thải

1. Điều kiện phạm vi hoạt động:

a) Thực hiện đúng quy định tại Điều 53, Điều 72 Luật Giao thông đường bộ năm 2008.

b) Các phương tiện vận tải phục vụ vệ sinh môi trường phải là các loại xe chuyên dùng.

c) Thời gian hoạt động trong đô thị từ 23 giờ đến 05 giờ sáng.

2. Rác thải, phế thải trên xe:

a) Phải được che phủ kín, không để rơi, vãi rác, nước thải xuống đường.

b) Trường hợp để rơi, vãi rác, nước thải xuống đường thì người vận tải phải có trách nhiệm thu dọn ngay.

c) Có biện pháp đảm bảo vệ sinh môi trường và không gây ô nhiễm.

Chương III TỶ LỆ PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CÔNG CỘNG BẰNG XE BUÝT ĐÁP ỨNG NHU CẦU ĐI LẠI CỦA NGƯỜI KHUYẾT TẬT

Điều 10. Quy định về phương tiện

1. Đủ điều kiện hoạt động theo quy định tại Nghị định số 91/2009/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng ô tô và tiêu chuẩn ngành hiện hành 22 TCN 302-06.

2. Phương tiện vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt phải trang bị 02 thùng rác mini/xe và trang bị túi nylon, kiểm soát hành vi xả thải của hành khách trên xe không để gây ô nhiễm môi trường

3. Xe phải có ít nhất một đến hai chỗ dành cho xe lăn của người khuyết tật theo quy định.

4. Có trang thiết bị nâng hạ xe lăn hoặc dụng cụ hỗ trợ phục vụ người khuyết tật lên xuống xe.

Điều 11. Tỷ lệ và lộ trình đầu tư phương tiện đáp ứng nhu cầu đi lại của người khuyết tật thực hiện như sau:

1. Giai đoạn 1: Từ ngày 01 tháng 6 năm 2013, tuyến Lộ tẻ Rạch Giá đi thị xã Châu Đốc và tuyến thị xã Châu Đốc đi Xuân Tô, mỗi tuyến phải có ít nhất một xe buýt chuyên dùng phục vụ người khuyết tật (xe không qua cải tạo).

2. Giai đoạn 2: Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, tất cả các tuyến trên địa bàn tỉnh An Giang, mỗi tuyến phải có một hoặc hai xe buýt chuyên dùng phục vụ người khuyết tật (xe không qua cải tạo).

Chương IV **QUY ĐỊNH VỀ TRÁCH NHIỆM** **CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN**

Điều 12. Trách nhiệm của Sở Giao thông Vận tải

1. Chỉ đạo các doanh nghiệp khai thác vận tải khách công cộng bằng xe buýt xây dựng kế hoạch đầu tư phương tiện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật riêng đối với xe buýt cho người tàn tật tiếp cận sử dụng.

2. Giám đốc Sở Giao thông Vận tải xây dựng kế hoạch thực hiện việc cải tạo, đầu tư mới điểm dừng, nhà chờ xe buýt theo quy định, trong đó đáp ứng được việc phục vụ người tàn tật đi xe buýt, quản lý cơ sở hạ tầng xe buýt.

3. Thực hiện việc quản lý cơ sở hạ tầng xe buýt.

4. Hướng dẫn cho các doanh nghiệp vận tải hành khách về mẫu thẻ tên và đồng phục của nhân viên doanh nghiệp vận tải.

5. Thanh tra, kiểm tra và xử lý các vi phạm trong hoạt động vận tải hành khách theo quy định.

Điều 13. Trách nhiệm của Công an tỉnh

Tăng cường kiểm tra, xử lý các vi phạm về trật tự an toàn giao thông đối với hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị theo quy định.

Điều 14. Trách nhiệm của Ban An toàn Giao thông tỉnh

Xây dựng kế hoạch phối hợp liên ngành gồm Sở Giao thông Vận tải, Công an tỉnh, Sở Khoa học Công nghệ kiểm tra hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt và hoạt động vận tải hành khách, hàng hóa bằng xe taxi.

Điều 15. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

1. Phối hợp với Sở Giao thông Vận tải tổ chức khảo sát và xác định các vị trí cho phép đỗ xe trong khu vực đô thị cho tất cả các loại xe (trừ các điểm dừng, nhà chờ xe buýt và điểm đỗ xe taxi do Sở Giao thông Vận tải quy định).

2. Lắp đặt biển báo hiệu giao thông đường bộ phù hợp với Quy định này đối với các tuyến đường thuộc thẩm quyền quản lý.

3. Quy định vị trí tập kết rác thải tập trung sao cho thuận lợi bốc rác thải lên xe nhằm đảm bảo vệ sinh môi trường, mỹ quan đô thị và an toàn giao thông.

Điều 16. Trách nhiệm và quyền của doanh nghiệp vận tải

1. Chịu trách nhiệm trước Sở Giao thông Vận tải về các hoạt động vận tải trên tuyến theo sự đăng ký khai thác tuyến đã được Sở Giao thông Vận tải chấp thuận.

2. Thông báo về mẫu thẻ, số lượng thẻ và đồng phục của nhân viên doanh nghiệp cho Sở Giao thông Vận Tải.

3. Có nơi đỗ xe phù hợp với quy mô của doanh nghiệp, bảo đảm yêu cầu về trật tự an toàn, phòng chống cháy nổ và vệ sinh môi trường.

4. Phương tiện vận tải hành khách phải trang bị thùng rác mini và túi nylon, kiểm soát hành vi xả thải của hành khách trên xe không để gây ô nhiễm môi trường.

5. Được sử dụng cơ sở hạ tầng giao thông để phục vụ hoạt động vận tải trên tuyến.

Điều 17. Trách nhiệm của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe

1. Kiểm tra các điều kiện bảo đảm an toàn của xe trước khi khởi hành; kiểm tra việc sắp xếp, chằng buộc hành lý, hàng hóa bảo đảm an toàn.

2. Có biện pháp bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản của hành khách đi xe, giữ gìn trật tự, vệ sinh trong xe.

3. Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe đeo thẻ tên, mặc đồng phục theo quy định.

4. Có thái độ phục vụ văn minh, lịch sự; hướng dẫn hành khách ngồi đúng nơi quy định.

5. Đóng cửa lên, xuống của xe trước và trong khi xe chạy.

6. Cho xe dừng đỗ đúng nơi quy định.

7. Không nhận chở hàng hóa cồng kềnh, chất dễ cháy nổ, hàng hóa có mùi tanh hôi trên xe.

8. Lái xe và nhân viên phục vụ trên xe phải giúp đỡ người khuyết tật đặc biệt là người khuyết tật bị hạn chế khả năng vận động, người già, trẻ em, phụ nữ có thai hoặc có con nhỏ khi lên, xuống xe.

Điều 18. Quyền và trách nhiệm của hành khách

1. Được cung cấp thông tin về những tuyến đường, tuyến xe buýt; yêu cầu nhân viên bán vé đưa vé đi xe buýt hay hóa đơn thanh toán tiền đi xe taxi khi đã trả tiền.

2. Hành khách đi xe phải chấp hành nội quy vận chuyển, tuân thủ hướng dẫn của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe để đảm bảo an toàn trật tự trên xe. Trường hợp hành khách vi phạm nội quy, làm thiệt hại đến người khác đi trên xe thì xử lý theo quy định pháp luật.

3. Hành khách đi trên xe phải giữ gìn vệ sinh chung; không được xả rác tại các điểm dừng, đỗ, nhà chờ; không được mang theo những loại hàng hóa bị cấm

lưu thông, hàng hóa công kênh chiếm nhiều chỗ của hành khách, hàng có mùi tanh hôi, lây nhiễm bệnh, súc vật sống, chất dễ cháy nổ.

4. Giúp đỡ và nhường ghế ngồi trên xe buýt cho khách đi xe là người khuyết tật, người già, phụ nữ có thai hoặc có con nhỏ và trẻ em.

5. Đối với người tàn tật được ngồi tại những ghế ưu tiên dành cho người tàn tật và được giúp đỡ trong việc lên xuống xe khi đi xe.

Điều 19. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các Sở, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, các cơ quan báo đài trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện nghiêm chỉnh Quy định này.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện mọi vướng mắc phát sinh phản ánh kịp thời về Sở Giao thông Vận tải tổng hợp tham mưu trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Vương Bình Thạnh